

Phụ lục công khai dự toán ngân sách năm 2026

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

(Kèm theo Quyết định số: 04 /QĐ-TT&BVTV ngày 08 tháng 01 năm 2026)

Mã số ĐVSDNS: 1077984

Loại 340; 280 - Khoản 341; 281

Mã KBNN nơi đơn vị giao dịch: 2961

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Tiết kiệm 10%	Dự toán được sử dụng
A	B	C	D	E
I	Số thu, chi, nộp ngân sách các khoản thu			
a	Số thu phí, lệ phí	435		435
-	Lệ phí	5		5
-	Phí	390		390
-	Thu phạt vi phạm hành chính	40		40
b	Chi từ nguồn thu phí được để lại	289		289
-	Chi quản lý hành chính (Loại 340, Khoản 341)	289		289
c	Số phí, lệ phí nộp NSNN	106		106
-	Lệ phí	5		5
-	Phí	101		101
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	24.297	808	23.489
1	Chi quản lý hành chính (Loại 340, Khoản 341)	10.428	571	9.857
-	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.292	81	5.211
+	Quỹ lương	3.964	0	3.964
+	Chi thường xuyên	1.328	81	1.247
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.136	490	4.646
a	Chi hoạt động	3.551	331	3.220
	Hoạt động bầu dền truyền thống (15 bầu)	87	9	78
	Hoạt động hệ thống giám sát côn trùng thông minh (04 bầu)	170	17	153
	Thuê kho lưu chứa tang vật vi phạm về thuốc BVTV	100	10	90
	Trang phục kiểm dịch	16	0	16
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh trên cây ăn quả và cây ăn trái cây có múi	290	29	261
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại lúa	200	20	180
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại cà phê	100	10	90
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại sắn	100	10	90
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại điều	100	10	90
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại mía	100	10	90
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh hại ngô	100	10	90
	Tập huấn phòng trừ sâu bệnh rau, hoa màu	80	8	72
	Chương trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM)	800	80	720
	Tập huấn về cấp mã số vùng trồng	100	10	90
	Kinh phí phát triển tiêu bền vững	100	10	90
	Kinh phí kiểm tra, phân tích mẫu thuốc BVTV, Phân bón	300	30	270
	Kinh phí giám sát, lấy mẫu đánh giá tình hình nguồn vật liệu nhân giống đã công nhận, kiểm tra hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng tại các vùng trọng điểm	50	5	45

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Tiết kiệm 10%	Dự toán được sử dụng
A	B	C	D	E
	Hội nghị cấp tỉnh Tổng kết niên vụ cà phê, sơ kết tổng kết công tác sản xuất	90	9	81
	Hội nghị tăng cường quản lý nhà nước về giống cây trồng trên địa bàn tỉnh trong tình hình mới	40	4	36
	Tập huấn nâng cao Công tác QLNN về Công tác Giống cho cán bộ cấp xa và Trạm TT và BVTV Khu vực	100	10	90
	Tổ chức Hội nghị tổng kết ngành hàng sầu riêng năm 2026, phương hướng nhiệm vụ năm 2027	50	5	45
	Tổ chức Hội nghị Tăng cường công tác quản lý nhà nước về phân bón	50	5	45
	Tổ chức Hội nghị Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thuốc Bảo vệ thực vật	50	5	45
	Chi phục vụ công tác thu	150	15	135
	Hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đến công tác tại trung tâm hành chính của tỉnh Đắk Lắk NQ02	120		120
	Quỹ tiền thưởng theo ND 73/2024 của Chính phủ	108		108
b	Chi mua sắm trang thiết bị	285	29	256
	Mua sắm máy tính (15 bộ)	150	15	135
	Mua sắm máy in	65	7	58
	Mua bàn ghế làm việc	70	7	63
c	Chi bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công	1.300	130	1.170
	bảo dưỡng, sửa chữa: Nhà làm việc Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Tuy An Bắc	600	60	540
	Bảo dưỡng, sửa chữa: Nhà làm việc Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khu vực Sông Hinh	700	70	630
2	Sự nghiệp kinh tế (Loại 280 - khoản 281)	13.869	237	13.632
-	Kinh phí thường xuyên	13.572	237	13.335
+	Quỹ lương	11.202		11.202
+	Chi thường xuyên	2.370	237	2.133
-	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	297	0	297
	Chi hoạt động	297	0	297
-	Quỹ tiền thưởng	297		297